

UBND TỈNH HÀ NAM
VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1381** /VPUB-GTXD

Hà Nam, ngày **17** tháng 9 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP

Kính gửi: Sở Xây dựng

Thực hiện ý kiến của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2287/BXD-KTXD ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

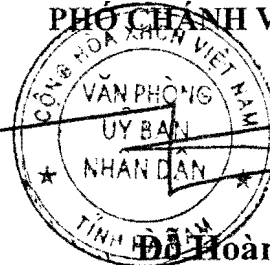
Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành và các đơn vị liên quan, nghiên cứu dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản trên (*gửi kèm theo Văn bản này*); trên cơ sở đó, có văn bản góp ý, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Văn phòng thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh để các đơn vị liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
 - Như kính gửi;
 - VPUB: CPVP(2), GTXD;
 - Lưu VT, GTXD.
- QV. - D\2018\CV-VP\0128

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Đỗ Hoàng Hải

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **2287**/BXD-KTXD

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số
37/2015/NĐ-CP.

VPUBND TỈNH HÀ NAM	
ĐẾN	Số: 2348
	Ngày: 13/9/2018
	Chuyên: <i>Kinh</i>

Kính gửi:UBND tỉnh Hà Nam.....

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Chính phủ giao Bộ Xây dựng quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018, Bộ Xây dựng đã dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến góp ý bằng văn bản về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP (gửi kèm theo văn bản này). Hồ sơ xây dựng Nghị định đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng (<http://www.moc.gov.vn>)

Văn bản góp ý xin gửi về Bộ Xây dựng (qua Cục Kinh tế xây dựng) số 37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội, đồng thời gửi file điện tử vào địa chỉ email ngoclan89xd@gmail.com trước ngày 30/9/2018 để thuận lợi cho việc tổng hợp ý kiến, tiếp thu, hoàn thiện và trình Chính phủ tháng 11/2018.

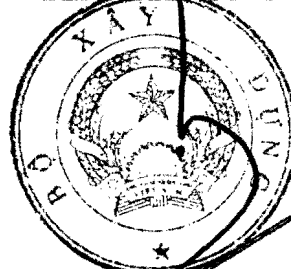
Mọi chi tiết cần làm rõ xin liên hệ chuyên viên Bùi Ngọc Lan, số điện thoại: 024.39760271, máy lẻ 339 hoặc số di động 0934450856.

Rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý cơ quan, đơn vị. ✓

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTXD(Lan)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Bùi Phạm Khánh**

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 3 như sau:

“Điều 3. Các loại hợp đồng xây dựng

g) Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (viết tắt là EPC) là hợp đồng để thực hiện các công việc từ thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ đến thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; hợp đồng tổng thầu EPC là hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng tất cả các công trình của một dự án đầu tư xây dựng.

Hợp đồng EPC chỉ áp dụng đối với những dự án, gói thầu xây dựng cần rút ngắn thời gian thực hiện; những dự án, gói thầu xây dựng có yêu cầu cao về kỹ

thuật, công nghệ và phải đảm bảo tính đồng bộ từ khâu thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công xây dựng công trình đến khâu đào tạo vận hành, chuyển giao công trình.

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng

5. Trước khi ký kết hợp đồng EPC các bên phải thỏa thuận cụ thể những nội dung chủ yếu sau:

- a) Phạm vi công việc dự kiến thực hiện theo hợp đồng EPC;
- b) Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, loại, cấp công trình; quy mô, công suất và phương án sản phẩm được lựa chọn, năng lực khai thác sử dụng;
- c) Các thông tin về các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thủy văn của khu vực nơi xây dựng công trình;
- d) Các yêu cầu về thiết kế xây dựng và một số thông số thiết kế ban đầu;
- đ) Các phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị và thương mại; xuất xứ thiết bị, sản phẩm;
- e) Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài phạm vi công trình; giải pháp phòng, chống cháy, nổ thuộc phạm vi của gói thầu EPC;
- g) Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng;
- h) Các yêu cầu về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thử nghiệm, vận hành chạy thử, bảo hành và bảo trì công trình;
- i) Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng thuộc phạm vi của gói thầu EPC;
- k) Danh mục và mức độ áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng trong thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình;
- l) Các chỉ dẫn kỹ thuật đối với vật tư, thiết bị, dịch vụ kỹ thuật;
- m) Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của bên nhận thầu đối với gói thầu, gồm: năng lực về thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình;
- n) Yêu cầu về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và những vấn đề khác.
- o) Các yêu cầu liên quan đến các thủ tục phê duyệt; số lượng các loại hồ sơ, tài liệu và mốc thời gian phải nộp cho bên giao thầu;

p) Kế hoạch tiến độ thực hiện và các mốc hoàn thành những công việc, hạng mục công trình chủ yếu và toàn bộ công trình để đưa vào khai thác, sử dụng;

q) Phân định trách nhiệm giữa bên giao thầu và bên nhận thầu về cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc, đường giao thông nội bộ và các dịch vụ khác có sẵn trên công trường và việc xử lý giao diện giữa các gói thầu trong cùng một dự án xây dựng.”

3. Bổ sung khoản 7 vào Điều 7 như sau:

“Điều 7. Quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng

7. Đối với hợp đồng EPC:

a) Trước khi tiến hành mua sắm vật tư, thiết bị công nghệ cho hợp đồng EPC bên nhận thầu phải tiến hành lập các yêu cầu để trình bên giao thầu cho ý kiến chấp thuận trước khi tiến hành mua sắm nếu các bên có thỏa thuận trong hợp đồng. Việc chấp thuận của bên giao thầu không làm giảm trách nhiệm của bên nhận thầu đối với việc mua sắm vật tư, thiết bị cho hợp đồng EPC.

b) Bên nhận thầu có thể tiến hành mua sắm trực tiếp hoặc thuê thầu phụ để mua sắm vật tư, thiết bị cho hợp đồng EPC. Trường hợp thuê thầu phụ để mua sắm vật tư, thiết bị, thì nhà thầu phải thỏa thuận và thống nhất với bên giao thầu các yêu cầu đối với nhà thầu phụ cung cấp vật tư, thiết bị trước khi tiến hành lựa chọn nhà thầu phụ nhưng không được làm thay đổi yêu cầu kỹ thuật, xuất xứ, công nghệ trong hợp đồng EPC đã ký.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 13 như sau:

“Điều 13. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng xây dựng

d) Đối với những công việc theo yêu cầu phải được nghiệm thu trước khi chuyển qua các công việc khác, bên nhận thầu phải thông báo trước cho bên giao thầu để nghiệm thu theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng và phải có ảnh chụp để lưu hồ sơ trước khi chuyển quan thực hiện công việc khác;”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“Điều 18. Tạm ứng hợp đồng xây dựng

3. Mức tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng. Mức tạm ứng và số lần tạm ứng hợp đồng xây dựng phải được ghi cụ thể trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc trong dự

thảo hợp đồng xây dựng gửi cho bên nhận thầu để bên nhận thầu làm cơ sở tính toán giá dự thầu, giá đề xuất.

Việc thu hồi tạm ứng được bắt đầu khi giá trị thanh toán cộng dồn đạt 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5 và 6 Điều 19 như sau:

“Điều 19. Thanh toán hợp đồng xây dựng

4. Trường hợp trong kỳ thanh toán các bên chưa đủ điều kiện để thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng (chưa có dữ liệu để điều chỉnh giá, chưa đủ thời gian để xác định chất lượng sản phẩm,...) thì có thể tạm thanh toán. Khi đã đủ điều kiện để xác định giá trị thanh toán thì bên giao thầu phải thanh toán cho bên nhận thầu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này.

Đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị đặc thù cần thiết phải mua và thanh toán trước khi đưa vào công trình để đáp ứng tiến độ của dự án, thì các bên có thể thỏa thuận thanh toán cho phần giá trị vật tư, vật liệu và thiết bị này khi bên nhận thầu đã đưa về công trình được bên giao thầu nghiệm thu. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định nhưng vật tư, vật liệu và thiết bị đặc thù cho gói thầu, dự án để bên giao thầu thỏa thuận với bên nhận thầu trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí đầu tư.

5. Đối với hợp đồng trọn gói: thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc, vật tư, vật liệu và thiết bị tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không đòi hỏi có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết. *Riêng trường hợp thanh toán khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị trước khi đưa vào công trình phải thực hiện trên cơ sở khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị thực tế bên nhận thầu đưa đến hiện trường được bên giao thầu nghiệm thu.*

6. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh: thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm nếu có); *khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị bên nhận thầu đã đưa đến hiện trường* được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và c khoản 1 Điều 20 như sau:

“Điều 20. Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng

1. Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng xây dựng, giá hợp đồng và các thỏa thuận trong hợp đồng. Hồ

sơ thanh toán (bao gồm cả biểu mẫu) phải được ghi rõ trong hợp đồng xây dựng và phải được bên giao thầu xác nhận. Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán; *khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị đặc thù bên nhận thầu đã đưa đến hiện trường* có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng); *khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị đặc thù bên nhận thầu đã đưa đến hiện trường* trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng); *khối lượng vật tư, vật liệu và thiết bị đặc thù bên nhận thầu đã đưa đến hiện trường* trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thoả thuận trong hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu. ”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 31 như sau:

“Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu EPC

2. Nghĩa vụ của bên giao thầu EPC:

d) Nghiệm thu, thẩm định, phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kịp thời thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (*không bao gồm dự toán xây dựng*) của các công trình, hạng mục công trình theo quy định;”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 32 như sau:

“Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu EPC

2. Nghĩa vụ của bên nhận thầu EPC:

e) Lập thiết kế (thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công), *không bao gồm dự toán xây dựng*, các hạng mục công trình, công trình của gói thầu, dự án phù hợp với thiết kế cơ sở hoặc thiết kế FEED được duyệt và trình cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

2. Hợp đồng xây dựng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. *Riêng trường hợp Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh sau khi có hướng dẫn của Bộ Xây dựng.*

11.Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng xây dựng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

2. *Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp bất khả kháng.*

3. Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu; đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và trường hợp bất khả kháng.

4. Giá hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng cho gói thầu đó) thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư *hoặc Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư* chấp thuận trước khi điều chỉnh và phải đảm bảo đủ vốn để thanh toán cho bên nhận thầu theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

12.Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 như sau:

“Điều 37. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng

3. Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng phải thống nhất đơn giá *hoặc nguyên tắc xác định giá* để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện.”

13.Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 38 như sau:

“Điều 38. Điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng xây dựng

2. Việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng được quy định như sau:

b) Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, *đồng thời làm tăng 0,25% giá trị hợp đồng và thay đổi lớn 1% đơn giá của công việc đó* hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc đã thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng này để thanh toán;

3. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng:

a) *Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng bao gồm: phương pháp bù trừ trực tiếp và phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh như quy định tại điểm b khoản này.* Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được các bên thỏa thuận trong hợp đồng;”

14.Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 như sau:

“Điều 51. Rủi ro và bất khả kháng

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn, *biến động bất thường về giá (biến động lớn hơn 15% giá trị hợp đồng đã ký) của các yếu tố chi phí cấu thành lên giá hợp đồng và các yếu tố bất khả kháng khác.* Đối với trường hợp *biến động bất thường về giá của các yếu tố chi phí cấu thành lên giá hợp đồng* thì giao Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện.”

15.Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

“Điều 54. Tổ chức thực hiện

2. Bộ Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng; hướng dẫn điều chỉnh hợp đồng xây dựng, phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, các loại hợp đồng xây dựng, mẫu hợp đồng xây dựng, *hướng dẫn nội dung hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ* và các nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hợp đồng xây dựng.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng ... năm 2019.

2. Xử lý chuyển tiếp

a) Các hợp đồng xây dựng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị

định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định về hợp đồng xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Các hợp đồng xây dựng đang trong quá trình đàm phán, chưa được ký kết nếu có nội dung nào chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định trên nguyên tắc bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng và không làm phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

c) Nội dung về hợp đồng xây dựng trong các hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã phê duyệt nhưng chưa phát hành nếu có nội dung nào chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì phải điều chỉnh lại cho phù hợp; trường hợp đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, nếu có thay đổi nội dung liên quan đến hợp đồng cho phù hợp với các quy định của Nghị định này, thì phải thông báo cho tất cả các nhà thầu đã mua hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu biết để điều chỉnh các nội dung hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất cho phù hợp; trường hợp đã đóng thầu thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- VP Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 90, 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT,

Nguyễn Xuân Phúc